

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG VĂN PHÒNG NÂNG CAO

Ngày kiểm tra: 27/03/2021

Thời gian kiểm tra: 18h00

Thời gian ôn tập: từ 13/03/2021 đến 20/03/2021

Địa điểm kiểm tra: Số 1 Đoàn Kết, P Bình Thới, Q Thủ Đức, TP HCM

Lớp: THN1

Stt	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Điểm TBC	Kết Quả	Xếp Loại	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
1	THNC001	Trần Thị Lan	Anh	26/03/1984	Quảng Bình	Nữ	5.0	3.0	4.00	Không Đạt	Không đạt	
2	THNC002	Lê Thị Hồng	Chăm	10/08/2000	Bình Thuận	Nữ	9.0	3.0	6.00	Đạt	Trung Bình	
3	THNC003	Nguyễn Ngọc	Diễm	12/04/1999	Đồng Nai	Nữ	9.3	7.0	8.15	Đạt	Giỏi	
4	THNC004	Nguyễn Kim	Điệp	22/07/1979	Tiền Giang	Nữ	5.7	3.5	4.60	Không Đạt	Không đạt	
5	THNC005	Lê	Duy	22/11/1999	Đồng Nai	Nam	5.0	6.0	5.50	Đạt	Trung Bình	
6	THNC006	Lê Thị Thu	Hà	28/10/1986	Thanh Hóa	Nữ	6.0	6.0	6.00	Đạt	Trung Bình	
7	THNC007	Vũ Thị Thu	Hà	23/09/1981	Phú Thọ	Nữ	9.3	5.0	7.15	Đạt	Trung Bình	
8	THNC008	Trần Lệ	Hằng	14/09/2000	Tây Ninh	Nữ	7.3	3.0	5.15	Đạt	Trung Bình	
9	THNC009	Lê Thị Hoàng	Hậu	25/10/1999	Bình Dương	Nữ	6.3	3.0	4.65	Không Đạt	Không đạt	
10	THNC010	Hà Hoàng	Khuyên	11/06/1987	TP Hồ Chí Minh	Nam	6.0	7.5	6.75	Đạt	Trung Bình	
11	THNC011	Lương Thị	Liên	23/12/1996	Thanh Hóa	Nữ	7.0	3.0	5.00	Đạt	Trung Bình	
12	THNC012	Nguyễn Thị Kim	Lợi	06/08/1999	Đồng Tháp	Nữ	7.3	3.5	5.40	Đạt	Trung Bình	
13	THNC013	Phạm Thị Trúc	Mai	01/01/1986	Long An	Nữ	9.7	8.0	8.85	Đạt	Giỏi	
14	THNC014	Võ Thị Thu	Ngân	18/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	5.3	5.0	5.15	Đạt	Trung Bình	
15	THNC015	Phan Thị Thanh	Ngọc	03/01/1995	TP Hồ Chí Minh	Nữ	10.0	7.0	8.50	Đạt	Giỏi	

Stt	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Điểm TBC	Kết Quả	Xếp Loại	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
16	THNC016	Từ Nữ Mỹ	Nguyên	20/01/1988	Ninh Thuận	Nữ	7.3	3.0	5.15	Đạt	Trung Bình	
17	THNC017	Trương Quang	Nhật	24/10/1995	TP Hồ Chí Minh	Nam	4.0	6.5	5.25	Đạt	Trung Bình	
18	THNC018	Lê Thị Tiểu	Ni	18/08/1994	Bạc Liêu	Nữ	5.0	3.5	4.25	Không Đạt	Không đạt	
19	THNC019	Huỳnh Mỹ	Nương	19/09/1994	Bạc Liêu	Nữ	7.0	5.0	6.00	Đạt	Trung Bình	
20	THNC020	Nguyễn Đức	Phước	24/08/1992	Đồng Nai	Nữ	1.3	3.0	2.15	Không Đạt	Không đạt	
21	THNC021	Phó Thị Thanh	Phương	21/07/2000	Kon Tum	Nữ	6.7	4.0	5.35	Đạt	Trung Bình	
22	THNC022	Đỗ Như	Quỳnh	22/10/2000	Bắc Giang	Nữ	6.3	2.0	4.15	Không Đạt	Không đạt	
23	THNC023	Võ Ngọc Hồng Hải	Quỳnh	16/11/1999	Bình Định	Nữ	7.3	3.5	5.40	Đạt	Trung Bình	
24	THNC024	Vòng Kim	Thảo	17/06/1999	TP Hồ Chí Minh	Nữ	4.0	4.5	4.25	Không Đạt	Không đạt	
25	THNC025	Nguyễn Thị	Thơ	05/10/2000	Nghệ An	Nữ	5.0	2.0	3.50	Không Đạt	Không đạt	
26	THNC026	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/1999	Trà Vinh	Nữ	4.0	3.0	3.50	Không Đạt	Không đạt	
27	THNC027	Nguyễn Thị Phương	Thúy	02/09/1995	Bình Thuận	Nữ	9.7	6.0	7.85	Đạt	Khá	
28	THNC028	Trần Thanh	Thúy	10/10/1988	TP Hồ Chí Minh	Nữ	7.0	8.0	7.50	Đạt	Khá	
29	THNC029	Lê Thị Thùy	Trang	23/11/1999	Tây Ninh	Nữ	7.7	4.5	6.10	Đạt	Trung Bình	
30	THNC030	Lê Thị	Trang	14/10/1997	Đắk Lắk	Nữ	0.0	0.0	0.00	Không Đạt	Không đạt	Vắng thi
31	THNC031	Nguyễn Trần Cẩm	Tú	08/09/1999	TP Hồ Chí Minh	Nữ	4.3	5.0	4.65	Không Đạt	Không đạt	
32	THNC032	Nguyễn Thị Ngọc	Tuy	19/12/1983	TP Hồ Chí Minh	Nữ	6.3	6.0	6.15	Đạt	Trung Bình	
33	THNC033	Nguyễn Thanh	Tuyền	14/11/1994	Hà Nội	Nữ	8.3	7.0	7.65	Đạt	Khá	
34	THNC034	Mai Lê Phương	Uyên	22/09/2000	Đắk Lắk	Nữ	7.7	3.5	5.60	Đạt	Trung Bình	
35	THNC035	Nguyễn Thị Ty	Vy	28/02/1987	Bình Định	Nữ	5.3	4.0	4.65	Không Đạt	Không đạt	

Stt	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Điểm TBC	Kết Quả	Xếp Loại	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
36	THNC036	Lê Thị Kim	Xuyến	05/07/2000	Đồng Tháp	Nữ	8.3	3.5	5.90	Đạt	Trung Bình	
37	THNC037	Đoàn Ngọc Như	Ý	20/01/2000	Quảng Ngãi	Nữ	9.3	6.5	7.90	Đạt	Khá	
38	THNC038	Phạm Thị Hoàng	Yến	04/04/1992	TP Hồ Chí Minh	Nữ	8.0	3.0	5.50	Đạt	Trung Bình	
39	THNC081	Đoàn Thị Thu	Hằng	14/02/1986	Quảng Nam	Nữ	8.7	5.0	6.85	Đạt	Trung Bình	

Tổng số thí sinh dự kiểm tra: **38**

Tổng số thí sinh vắng dự kiểm tra: **01**

Tổng số thí sinh đạt: **27**

Tổng số thí sinh không đạt: **12**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN THU' KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TP Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021
THU' KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)